

Bản án số: 51/2024/HSST.

Ngày: 02-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy**.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Thư.

Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa : Bà **Đoàn Thị Kiều Hoanh** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Duy** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/TL-HSST ngày 26 tháng 6 năm 2024 ; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ tên: **Hồ Minh Th**, sinh ngày: 01/8/1988 tại Côn Công, Nghệ An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh N.

Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên cha: Hồ Văn L, sinh năm: 1964. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị X, sinh năm: 1965 (chết).

Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1990. Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Ngày 06/7/2022, bị Toà án nhân dân huyện Núi Thành xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 29/2022/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/8/2022. Chưa thi hành xong khoản tiền bồi thường 7.000.000 đồng cho ông Phan Văn B, bà Phạm Thị Yến V.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ công an huyện Núi Thành. Hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Võ Văn Tr, sinh năm: 1987, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Văn P, sinh năm: 1964, địa chỉ: Khối phố 4, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Bùi Văn Kh, sinh năm: 1972, trú tại: tổ 50, phường Th, quận Th, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 06/02/2024, ông Võ Văn Tr điều khiển xe mô tô BKS 92K3-3849 nhãn hiệu Locin, màu nâu đen để tại lề đường Quốc lộ 1 A, bên trái cổng chùa Minh Tân thuộc khối phố 4, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam để vào nhà bạn ở đối diện bên kia đường chơi.

Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, Hồ Minh Th đi bộ đến đoạn đường này thì nhìn thấy xe mô tô BKS 92K3-3849 của ông Tr có sẵn chìa khóa trên xe nhưng không thấy có người trông coi, quản lý nên Th nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô rồi điều khiển chạy ra Đà Nẵng để tìm chỗ bán xe.

Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 07/02/2024, Hồ Minh Th bán chiếc xe mô tô trên cho ông Bùi Văn Kh với giá 500.000 đồng. Th tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Đến 19 giờ 00 phút ngày 07/02/2024, Th bị công an thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành triệu tập đến làm việc. Qua điều tra Thu khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/2024-KLGTS ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: 01 xe mô tô BKS 92K3-3849 nhãn hiệu Locin, màu sơn nâu, đã qua sử dụng có giá trị thiệt hại là 600.000 đồng.

Tại cáo trạng số 55/CT-VKS-NT ngày 24/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Hồ Minh Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Hồ Minh Th** về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đồng thời đề nghị:

- Về tội phạm và hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo **Th** từ **06** đến **09** tháng tù.

- Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đề cập giải quyết.

- Về vật chứng: **01 xe mô tô BKS 92K3-3849, nhãn hiệu Locin, màu sơn nâu, đã qua sử dụng và 01 giấy đăng ký xe mô tô đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.**

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi

Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, kết quả định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 06/02/2024, tại khối phố 4, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, Hồ Minh Th đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 92K3-3849 nhãn hiệu Locin, màu sơn nâu của ông Võ Văn Tr với giá trị tài sản bị thiệt hại là 600.000 đồng, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Hồ Minh Th đã bị kết án về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích. Hành vi của bị cáo Hồ Minh Th đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mọi công dân đều được pháp luật bảo hộ. Hành vi của bị cáo Th đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Th là người thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân mà cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy cần phải đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi gây thiệt hại không lớn. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính nhân đạo của pháp luật. Bị cáo đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật đối với bị cáo. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS bị cáo còn có thể bị phạt tiền, tuy nhiên, bị cáo Th hiện đang bị tạm giam không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là mô tô BKS 92K3-3849 nhãn hiệu Locin, màu sơn nâu và không có yêu cầu gì thêm, không đề cập xử lý

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác có liên quan: Ông Bùi Văn Kh là người mua tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, tuy nhiên ông Kh không biết đây là tài sản Th trộm cắp và không yêu cầu Th hoàn lại tiền mua bán tài sản trộm cắp nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Hồ Minh Th** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Xử phạt bị cáo: **Hồ Minh Th** 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 10/5/2024.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Minh Th phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng);

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Núi Thành;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- THAHS CA huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy